

Số: 1386 /QĐ-HĐQT

Huế, ngày 14 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế Công bố thông tin
của Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ quy định của pháp luật về chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng;

Căn cứ Tờ trình số 1355/TTr-GĐ ngày 05/10/2026 của Giám đốc Công ty về việc thông qua và ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến luân phiên Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty, ngày 14/10/2026 (số 1385/BB-HĐQT).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 1475/QyĐ-TXM ngày 20/9/2016 của Giám đốc Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng về việc quy định công bố thông tin nội bộ.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng; các phòng, chi nhánh thuộc Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Nhóm NĐD vốn VICEM;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, TCHC.



Phan Xuân Hiệu



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1386/QĐ-TXM ngày 14/10/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (sau đây viết tắt là Công ty) với các cơ quan có thẩm quyền và công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị thuộc Công ty và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Điều lệ Công ty: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. UBCKNN: Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. SGDCK: Là Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Ban Điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

5. Trưởng đơn vị: Là trưởng/Phụ trách các phòng chuyên môn nghiệp vụ Công ty (bao gồm cả người đứng đầu bộ phận kế toán Công ty); Giám đốc/Phụ trách các chi nhánh trực thuộc Công ty.

6. Cổ đông lớn: Là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

7. Thông tin nội bộ: Là thông tin liên quan đến Công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của Công ty.

8. Người nội bộ: Là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty, người Phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

9. Người có liên quan: Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty và người nội bộ của Công ty;

b) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;

47

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Người nội bộ và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người nội bộ đó;

đ) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

e) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

10. Ngày công bố thông tin: Là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

11. Ngày báo cáo: Là ngày gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận: Là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

12. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và SGDCK.

13. Các từ ngữ, thuật ngữ đã được giải thích trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì được hiểu theo quy định tại các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản

ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Công ty khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK (nơi niêm yết, đăng ký giao dịch) về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân.

4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 5 Quy chế này.

5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 4. Ngôn ngữ công bố thông tin

1. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

a) Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, có thẩm quyền xét duyệt, quyết định công bố thông tin và chịu trách nhiệm cao nhất đối với việc công bố thông tin của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

y 7

Trường hợp phát sinh sự kiện phải công bố thông tin mà Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin; trường hợp có từ hai thành viên trở lên cùng giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành thì các thành viên đó thống nhất cử một người thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của người thực hiện công bố thông tin

a) Người thực hiện công bố thông tin có các quyền hạn sau:

- Thay mặt Công ty thực hiện các thủ tục công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

- Yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, số liệu và các thông tin cần thiết để thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

- Đề nghị các đơn vị, cá nhân rà soát, giải trình, bổ sung hoặc chỉnh sửa thông tin khi phát hiện nội dung chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc chưa bảo đảm căn cứ pháp lý trước khi công bố;

- Báo cáo, đề xuất Giám đốc Công ty xem xét, quyết định đối với các vấn đề phát sinh liên quan đến việc công bố thông tin vượt thẩm quyền xử lý.

b) Người thực hiện công bố thông tin có các trách nhiệm sau:

- Tiếp nhận, tổng hợp, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu phục vụ công bố thông tin;

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

- Đăng tải thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định; gửi thông tin đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và các đơn vị liên quan theo quy định của pháp luật;

- Theo dõi, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, bằng chứng về việc công bố thông tin; cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ công tác công bố thông tin;

- Giữ bí mật thông tin chưa được phép công bố; không cung cấp, tiết lộ hoặc sử dụng thông tin nội bộ trái quy định của pháp luật;

- Chủ động theo dõi các quy định của pháp luật về công bố thông tin; tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi cần thiết;

- Báo cáo ngay Giám đốc khi phát hiện thông tin đã công bố có sai sót, thiếu chính xác hoặc có sự kiện phát sinh phải thực hiện đính chính, bổ sung hoặc công bố lại theo quy định;

- Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 6. Phương tiện báo cáo và công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b) Hệ thống của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;
 - c) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử, ...).
2. Công ty phải lập và sử dụng trang thông tin điện tử theo quy định sau:
 - a) Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
 - b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty; Quy chế công bố thông tin; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bản cáo bạch, các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này;
 - c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Công ty phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
5. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (nếu được yêu cầu), phương tiện công bố thông tin của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
6. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này theo quy định của UBCKNN, SGDCK và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố

thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính bán niên

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính quý

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

4. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính

Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

6. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương

trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

8. Ngoài các nội dung quy định tại Quy chế này, Công ty thực hiện công bố thông tin, báo cáo và cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định của SGDCK và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay

đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

k) Khi có sự thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, Công ty thực hiện công bố thông tin bất thường theo đúng thời điểm và trình tự quy định của pháp luật về chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

l. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định của pháp luật về chứng khoán;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty thì Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

s) Khi thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động (tên tổ chức, địa chỉ, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật);

t) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Quy chế này;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

5. Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

6. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

7. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

a) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

b) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

c) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);

d) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về hoạt động khác

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống công bố thông tin của SGDCK theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Mục 2

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo quy định.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ

11

phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin về giao dịch dự kiến theo mẫu quy định của pháp luật về chứng khoán hiện hành, trừ các trường hợp được pháp luật về chứng khoán miễn công bố thông tin.

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định của pháp luật về chứng khoán;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố thông tin, báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thông báo cho Công ty theo thời hạn, trình tự, thủ tục và trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Việc công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về chào mua công khai.

Mục 3

CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 15. Công bố thông tin tự nguyện

Ngoài các trường hợp công bố thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật, Công ty có thể chủ động công bố thông tin tự nguyện nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động. Việc công bố thông tin tự nguyện phải tuân thủ quy định của pháp luật và được thực hiện theo thẩm quyền của Công ty.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin

1. Các đơn vị thuộc Công ty có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin, tài liệu thuộc lĩnh vực được phân công quản lý để phục vụ công bố thông tin, trong đó:

a) Phòng Kế toán Thống kê Tài chính chuẩn bị các thông tin, tài liệu liên quan đến báo cáo tài chính và các nội dung thuộc lĩnh vực tài chính.

b) Phòng Tổ chức Hành chính chuẩn bị các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác tổ chức, nhân sự, cổ đông và các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

2. Người phụ trách quản trị Công ty/hoặc Thư ký Công ty/hoặc người thực hiện công bố thông tin: Chịu trách nhiệm chuẩn bị, tổng hợp các thông tin liên quan đến quản trị Công ty và các nội dung có liên quan đến việc thực hiện công bố thông tin đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 17. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong việc cung cấp thông tin

1. Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức rà soát, chuẩn bị và cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, tài liệu do đơn vị mình cung cấp.

b) Phối hợp với người thực hiện công bố thông tin và bộ phận đầu mối trong quá trình xác minh, hoàn thiện nội dung công bố thông tin.

2. Đối với thông tin bất thường hoặc thông tin phải công bố theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, Trưởng đơn vị nơi phát sinh hoặc tiếp nhận thông tin có trách nhiệm thông báo ngay và cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cho bộ phận đầu mối và người thực hiện công bố thông tin, bảo đảm việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này hoặc vi phạm quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ của Công ty hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và tuân thủ các quy định của Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

2. Trưởng đơn vị thuộc Công ty có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Quy chế này đối với người lao động thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Trường hợp các quy định của pháp luật về công bố thông tin được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc Quy chế này chưa quy định đối với một nội dung cụ thể thì áp dụng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Trường hợp Quy chế này có quy định khác với quy định của pháp luật thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Việc lập hồ sơ, sử dụng biểu mẫu, trình tự, thủ tục, thời hạn, phương thức công bố thông tin và các nội dung có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hiện hành.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty./.